

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 276/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 5 – 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thê Phượng, ông Lê Thanh Tân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 138/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hoa E, sinh năm 1990, nơi cư trú: số G, tổ B, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: số A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (*yêu cầu vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bảo T, sinh năm 1991, nơi cư trú: số G, tổ B, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Năm 2008, sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, chị Lê Thị Hoa E và anh Nguyễn Bảo T tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C (Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2013 ngày 01 tháng 4 năm 2013). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đi CASINO chơi cờ bạc, quan hệ không lành mạnh với nhiều người con gái, khi bị phát hiện thì vợ chồng cự cãi, anh T đánh và hăm dọa chị nhưng vẫn tiếp tục chung sống. Đến năm 2017, anh T vẫn chứng nào tật ấy, nhiều lần khuyên ngăn nhưng vẫn không nghe, nhiều lần hăm dọa và đánh đập chị nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Do không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 26/12/2008, sau khi ly thân do anh T nuôi dưỡng, chị đồng ý cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung (phải thu, phải trả): không có. Chị Em có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Toà án xác minh chị Hồ Thị Thanh T2 (là chị em bạn dì của chị Lê Thị Hoa E) cho biết: Thời gian vợ chồng Hoa E – T chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Bảo T1, sinh năm 2008. Chị thấy T đam mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, vì nguyên nhân đó mà thường xuyên cự cãi, chị có khuyên ngăn T nhưng T vẫn không sửa đổi. Vợ chồng E – T không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Con chung do T nuôi dưỡng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hoa E được ly hôn với anh Nguyễn Bảo T. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 26/12/2008 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, do anh T không có yêu cầu cấp dưỡng nên chị Em không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Chị Em phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Chị Em có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị Em, anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn*: Chị Em, anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh toàn đam mê đánh bạc, có mối quan hệ không lành mạnh nên dẫn đến vợ chồng cự cãi và đã ly thân thời gian dài từ năm 2017 đến nay. Tòa án đã triệu tập anh T để tham gia hòa giải, xét xử nhưng đều không đến, chị Hoa E cương quyết ly hôn nên chấp nhận cho chị Hoa E được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 26/12/2008, do anh T nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Cháu T1 có nguyện vọng sống với anh T, chị Hoa E cũng đồng ý, nên căn cứ khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, tiếp tục giao Nguyễn Bảo T1 cho anh Nguyễn Bảo T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên và lao động được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến, không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị Hoa E không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung*: không có. *Về nợ chung*: chị Hoa E xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Em, anh T phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Hoa E phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hoa E.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hoa E được ly hôn với anh Nguyễn Bảo T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 26/12/2008 cho anh Nguyễn Bảo T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và lao động được. Chị Lê Thị Hoa E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hoa E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Hoa E phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011895 ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh Nguyễn Bảo T không phải chịu án phí.

Chị Hoa E, anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.